

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 05 tháng 3 năm 2018
V/v yêu cầu ly hôn, tranh chấp
về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Thanh Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bích Thủy
2. Ông Nghiêm Thế Hùng

- Thư ký phiên tòa: Ông Thủy Sơn Phương – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Trúc – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 829/2017/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2017 về “*Yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 01 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2018/QĐST – HNGĐ ngày 12/02/2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị H, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Xóm 3, xã AH, huyện KS, tỉnh Ninh Bình.

Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Dương Văn C, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Hiện đang chấp hành án tại Trại giam XP – Bộ Công an, huyện ĐX, tỉnh Phú Yên.

Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện ngày 07/12/2017, bản tự khai, đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt ngày 21/02/2018 nguyên đơn là chị Lê Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Dương Văn C qua tìm hiểu tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã AH, huyện KS, tỉnh Ninh

Bình ngày 25/12/2007. Sau khi kết hôn chị và anh C chung sống hạnh phúc được một thời gian thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh C mắc vào các tệ nạn xã hội, nghiện ma túy, không quan tâm đến vợ con, gia đình. Chị đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh C vẫn không thay đổi, vợ chồng không có tiếng nói chung, mâu thuẫn kéo dài. Nay chị nhận thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Dương Văn C.

Về con chung: Trong thời gian chung sống chị và anh C có một con chung là cháu Dương Băng N, sinh ngày 15/01/2009. Hiện nay cháu N đang ở với chị, ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi cháu N và không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị và anh C tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại bản tự khai ngày 12/12/2017, đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt ngày 31/01/2018 bị đơn là anh Dương Văn C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Lê Thị H tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã AH, huyện KS, tỉnh Ninh Bình ngày 25/12/2007. Quá trình chung sống với nhau giữa vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn trong cuộc sống. Năm 2016 anh bị bắt và bị xử phạt tù về tội tàng trữ trái phép chất ma túy và hiện đang phải chấp hành án. Nay chị H khởi kiện xin ly hôn anh không đồng ý vì giữa anh và chị H không có mâu thuẫn gì cả, vợ chồng vẫn còn tình cảm với nhau.

Về con chung: Trong thời gian chung sống anh và chị H có một con chung là cháu Dương Băng N, sinh ngày 15/01/2009. Nếu Tòa án giải quyết cho anh và chị H ly hôn với nhau thì anh có nguyện vọng giao cháu N cho bố mẹ của anh nuôi dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P phát biểu ý kiến:

Về trình tự, thủ tục tố tụng: Việc Tòa án thụ lý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục tố tụng. Quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về thụ lý vụ án, thẩm quyền giải quyết vụ án, thu thập chứng cứ, thông báo về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như trình tự phiên tòa. Việc chấp hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng của nguyên đơn và bị đơn đảm bảo theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị H về yêu cầu ly hôn với anh Dương Văn C và giao cháu Dương Băng N cho chị Lê Thị H chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Lê Thị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Chị Lê Thị H và anh Dương Văn C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không thuộc trường hợp cấm kết hôn, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã AH, huyện KS, tỉnh Ninh Bình ngày 25/12/2007. Hôn nhân của chị H và anh C tuân thủ theo Điều 9,10,11 Luật hôn nhân gia đình năm 2000 nên hôn nhân hợp pháp.

Do mâu thuẫn vợ chồng chị Lê Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Dương Văn C đồng thời giải quyết về vấn đề con chung, vào thời điểm thụ lý bị đơn anh Dương Văn C đang chấp hành án tại Trại tạm giam Công an tỉnh Gia Lai trên địa bàn thành phố P nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố P theo loại việc, theo lãnh thổ và theo cấp xét xử. Hiện nay anh Dương Văn C đang chấp hành án tại Trại giam XP thuộc huyện ĐX, tỉnh Phú Yên tuy nhiên căn cứ vào khoản 3 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án nhân dân thành phố P tiếp tục giải quyết vụ án theo thẩm quyền.

Chị Lê Thị H và anh Dương Văn C đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

Theo biên bản xác minh ngày 17/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện KS, tỉnh Ninh Bình thể hiện mâu thuẫn giữa chị H và anh C chủ yếu do anh C nghiện ma túy, không giúp đỡ gia đình về mặt kinh tế, phá tán tài sản dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, mâu thuẫn trầm trọng không khắc phục được.

Biên bản xác minh này phù hợp với lời khai của chị Lê Thị H: Chị đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh C vẫn không cai nghiện ma túy thành công từ đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng không còn tiếng nói chung. Anh Dương Văn C không đồng thuận ly hôn vì vợ chồng vẫn còn tình cảm với nhau nhưng trên thực tế anh C nhận thức được nghiện ma túy là khởi nguồn của mâu thuẫn vợ chồng nhưng anh C không tích cực cai nghiện đã khiến cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng; bản thân anh Dương Văn C đã có tiền án về tội phạm ma túy nhưng không tu dưỡng mà tiếp tục phạm tội và hiện đang chấp hành án về tội phạm ma túy. Điều này thể hiện anh C không còn hướng đến mục tiêu chung ban đầu là xây dựng gia đình hạnh phúc, cùng nuôi dưỡng, giáo dục con chung với chị H dẫn đến mục đích hôn nhân không đạt được.

Từ đó có cơ sở khẳng định hôn nhân giữa chị Lê Thị H và anh Dương Văn C phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị H, xử cho chị H được ly hôn với anh Dương Văn C.

Về con chung: Chị Lê Thị H và anh Dương Văn C có một con chung là cháu Dương Băng N, sinh ngày 15/01/2009.

Chị Lê Thị H yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Dương Băng N. Xét cháu Dương Băng N có nguyện vọng chung sống với chị H và hiện chị H đang là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N. Qua xác minh quá trình sống với chị H thì cháu N được đảm bảo tốt về vật chất và tinh thần, phát triển tốt không gặp bất kỳ

hạn chế gì. Anh Dương Văn C có nguyện vọng được giao cháu Dương Băng N cho ông bà nội chăm sóc, nuôi dưỡng nhưng yêu cầu này không phù hợp với quy định của pháp luật. Vì vậy căn cứ theo quy định tại Điều 92 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, việc giao cháu Dương Băng N cho chị Lê Thị H trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn là chính đáng cần chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Lê Thị H đủ điều kiện kinh tế chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Dương Băng N nên không yêu cầu anh Dương Văn C cấp dưỡng nuôi con do đó Hội đồng xét xử không giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Chị Lê Thị H và anh Dương Văn C không yêu cầu Tòa án giải quyết vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét trong cùng vụ án này.

Về án phí: Chị Lê Thị H phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lý do trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1, khoản 3 Điều 39, Điều 266; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 9, 10, 11, 92 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

Áp dụng Điều 51, 53, 54, 56, 57, 81, 82, 83 84, 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 146, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lê Thị H

Chị Lê Thị H được ly hôn với anh Dương Văn C

2. Về con chung: Giao 01 (Một) con chung là cháu Dương Băng N, sinh ngày 15/01/2009 cho chị Lê Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Chị Lê Thị H phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp trước đây theo biên lai số 0003928 ngày 08/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn chị Lê Thị H và bị đơn anh Dương Văn C vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai để yêu cầu xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án hoặc bản sao bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân TP. P;
- Chi cục thi hành án dân sự TP. P;
- UBND xã AH, huyện KS, tỉnh Ninh Bình
(Chứng nhận kết hôn số 50 - quyền số 01/2007 ngày 25/12/2007);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Võ Thị Thanh Thúy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA